

Bản án số: 197/2023/HNGĐ-ST

Ngày 25-8-2023

V/v tranh chấp ly hôn,  
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Thu Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đỗ Xuân Long

Ông Nguyễn Thanh Hải.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Mai Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 25 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 226/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 185/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị L, sinh năm 1987; địa chỉ tại nước ngoài: Nhà số 3, hẻm 37, ngõ 560, đường Trung Chính, huyện T, thành phố Đ, Đài Loan; tạm trú tại: Thôn Xuân Hưng, xã Tây Hưng, huyện T, thành phố H.

- Bị đơn: Anh Vũ Văn Đ, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn Xuân Hưng, xã Tây Hưng, huyện T, thành phố H

Chị Phạm Thị L và anh Vũ Văn Đ đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn là chị Phạm Thị L trình bày:*

Chị Phạm Thị L và anh Vũ Văn Đ xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tây Hưng, huyện T, thành phố H từ ngày 19/3/2008. Quá trình chung sống của vợ chồng được hạnh phúc khoảng 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, ít quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình khuyên giải nhưng không đạt kết quả, vợ chồng

sống ly thân từ năm 2013 đến nay, mỗi người sống một nơi và không quan tâm đến nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên là Vũ Văn Hải Nam, sinh ngày 29/11/2008, hiện đang ở với anh Đ. Khi ly hôn, chị L đề nghị Tòa án giao con chung cho anh Đ tiếp tục chăm sóc, về cấp dưỡng, chị L đồng ý cấp dưỡng nuôi hàng tháng theo yêu cầu của anh Đ, cụ thể mức cấp dưỡng là 3,5 triệu đồng/tháng (bao gồm cả tiền học hàng năm).

Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Chị L chỉ về Việt Nam một thời gian ngắn, phải tiếp tục sang nước ngoài để lao động nên đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xin giải quyết vắng mặt. Chị L ủy quyền cho chị Vũ Thị Nữ giao nhận các văn bản tố tụng của Tòa án.

*Trong các bản tự khai, bị đơn là anh Vũ Văn Đ trình bày:*

Về quá trình kết hôn và chung sống: Anh Đ và chị L có kết hôn tại UBND xã Tây Hưng, huyện T, thành phố H vào ngày 19/3/2008. Quá trình chung sống được 5 năm thì chị L đi lao động ở nước ngoài đến nay được 07 năm. Thời gian đầu, chị L vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình và hỏi han, quan tâm chồng con nhưng sau đó, chị L không liên lạc và quan tâm đến gia đình nữa. Mọi việc chăm sóc con cái đều do anh Đ thực hiện; chị L chỉ gửi tiền đóng tiền học cho con. Việc chị L xin ly hôn gia đình đã biết và đã hòa giải nhưng không được. Anh Đ nhận thấy, đến nay tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị L.

Về con chung: Anh Vũ Văn Đ và chị Phạm Thị L có 01 con chung tên là Vũ Văn Hải Nam, hiện do anh Đ chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Đ đề nghị tiếp tục để anh nuôi dưỡng con và đề nghị mức cấp dưỡng là 3.000.000 đồng/tháng và đề nghị chị L tiếp tục đóng học hàng năm cho con.

Về tài sản chung: Anh Vũ Văn Đ và chị Phạm Thị L không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị Phạm Thị L đề nghị không tiến hành hòa giải theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án được.

Tại phiên tòa, chị Phạm Thị L và anh Vũ Văn Đ đều vắng mặt, chủ tọa phiên tòa đã công bố lý do đương sự vắng mặt, công bố tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan điểm giải quyết vụ án của các đương sự.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*- Về tổ tụng:*

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Phạm Thị L hiện đang cư trú tại Đài Loan, Trung Quốc có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Văn Đ có nơi cư trú tại thành phố H. Theo quy định tại khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn là chị Phạm Thị L và bị đơn là anh Vũ Văn Đ đều vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

*- Về nội dung:*

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị L và anh Vũ Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tây Hưng, huyện T, thành phố H vào ngày 19/3/2008, theo quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Kể từ khi chị L đi lao động tại nước ngoài, vợ chồng anh chị không còn quan tâm, liên lạc với nhau, mâu thuẫn phát sinh, tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ gia đình; mặc dù đã được gia đình hòa giải nhưng không được. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị L và anh Đ đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị L xin ly hôn với anh Đ và được anh Đ hoàn toàn đồng ý phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử cho chị Phạm Thị L được ly hôn anh Vũ Văn Đ.

[4] Về con chung: Chị Phạm Thị L và anh Vũ Văn Đ có 01 con chung tên là Vũ Văn Hải Nam, sinh ngày 29/11/2008. Chị L và anh Đ đều thống nhất giao con chung cho anh Đ chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đ đề nghị mức cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng/tháng và yêu cầu chị L tiếp tục đóng tiền học hàng năm cho con. Chị L đồng ý với yêu cầu cấp dưỡng của anh Đ, tuy nhiên, do số tiền học hàng tháng cho con hàng năm chưa xác định được nên chị đề nghị mức cấp dưỡng là 3.500.000 đồng/tháng (bao gồm cả tiền học hàng năm của cháu Nam). Hội đồng xét xử xét thấy, mức cấp dưỡng chị L đề nghị phù hợp với mức cấp dưỡng anh Đ yêu cầu và phù hợp với thực tế. Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị L và anh Đ về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con, phù hợp với thực tế cháu Nam đang ở với anh Đ và nguyện vọng của con chung; buộc chị L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Vũ Văn Hải Nam, định kỳ số tiền 3.500.000 đồng/tháng cho đến

khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung: Chị Phạm Thị L và anh Vũ Văn Đ không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về án phí ly hôn sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Chị L là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con định kỳ nên phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

- *Về quyền kháng cáo của các đương sự*:

[7] Chị L và anh Đ được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 273, điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị L, cụ thể:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị L được ly hôn anh Vũ Văn Đ.

2. Về con chung: Giao con chung tên là Vũ Văn Hải Nam, sinh ngày 29/11/2008 cho anh Vũ Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Vũ Văn Hải Nam định kỳ hàng tháng, số tiền là 3.500.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở, người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền

còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự

3. Về tài sản chung: Chị Phạm Thị L và anh Vũ Văn Đ không có tài sản chung, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm:

- Chị Phạm Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí về việc cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số **0000155 ngày 20/7/2023** tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị L còn phải nộp 300.000 đồng tiền án phí về việc cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo của các đương sự:

Anh Vũ Văn Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Chị Phạm Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- VKSNDTP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND xã Tây Hưng, huyện Tiên Lãng, TP Hải Phòng;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Thị Thu Hà**